

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH VÀ HĐND
TỈNH GIA LAI

Số:.....3607.....
ĐẾN Ngày: 20/6/2022
Chuyên:.....
Số và ký hiệu HS:.....

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, Kỳ họp thứ Sáu.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Chuyên: Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Nghị quyết số 116/NQ-HĐND ngày 01/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, Kỳ họp thứ Sáu ban hành Nghị Quyết quy định mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là Chương trình) trên địa bàn tỉnh Gia Lai với các nội dung như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chương MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022.

Tại điểm b khoản 1 phần V Quyết định số 263/QĐ-TTg quy định về cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình như sau:

- Hỗ trợ một phần từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung sau:

+ Hỗ trợ xây dựng và nâng cấp đường giao thông đến trung tâm xã, đường giao thông thôn, xóm, giao thông nội đồng; hạ tầng thiết yếu phục vụ phòng chống thiên tai của xã; trường học; trạm y tế xã; phát triển mạng lưới y tế cơ sở; trung tâm thể thao, nhà văn hóa xã, khu thể thao, nhà văn hóa thôn, bản; các công trình cấp nước sinh hoạt; cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường nông thôn; cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở; hệ thống hạ tầng

công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ cho quá trình ứng dụng công nghệ số và chuyển đổi số ở nông thôn; hệ thống lưới điện nông thôn; cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, chợ an toàn thực phẩm cấp xã theo quy định; hạ tầng các khu sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản; trung tâm kỹ thuật nông nghiệp; thực hiện thông báo và gắn biển địa chỉ số cho từng hộ gia đình và các cơ quan, tổ chức trên địa bàn nông thôn gắn với bản đồ số Việt Nam; phát triển kinh tế nông thôn, phát triển sản xuất liên kết chuỗi, truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh, chứng nhận VietGap (hoặc chứng chỉ tương đương), gắn mã vùng trồng; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm; đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ hợp tác xã; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã khởi nghiệp, sáng tạo trong cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn; tổ chức triển khai Chương trình OCOP và hỗ trợ các chủ thể phát triển sản phẩm OCOP; hỗ trợ đầu tư sửa chữa, cải tạo, mở rộng cơ sở vật chất, nhà xưởng, phòng học, mua sắm thiết bị đào tạo, phương tiện vận chuyển đào tạo lưu động và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo cho các cơ sở giáo dục chuyên nghiệp thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn; các công trình xử lý môi trường cấp xã, thôn, cải tạo nghĩa trang, cải tạo cảnh quan nông thôn, phát triển du lịch nông thôn; đảm bảo tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân, thúc đẩy bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; cải thiện tình trạng dinh dưỡng cho trẻ em và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho người dân nông thôn; các mô hình an ninh trật tự, hỗ trợ camera an ninh ở xã, thôn; nâng cao chất lượng các tiêu chí NTM đã đạt chuẩn.

+ Hỗ trợ các huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới: Hoàn thành hạ tầng cấp thiết kết nối xã, huyện; hạ tầng phục vụ cho các hoạt động của cộng đồng; phát triển y tế; công trình xử lý, thu gom rác thải sinh hoạt, chất thải; nước sạch tập trung; xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề, Chương trình OCOP,... Ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa cho một công trình, dự án không quá 70% đối với các huyện miền núi, không quá 50% đối với các huyện còn lại. **Căn cứ kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, điều kiện thực tế của các địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho từng nội dung, công việc cụ thể.**

Các xã thuộc địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, các huyện nghèo: Kinh phí của Chương trình chỉ hỗ trợ những nội dung không thuộc đối tượng, nội dung hỗ trợ của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững để thực hiện. Các xã còn lại: **Căn cứ Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, điều kiện thực tế của các địa phương và nhu cầu hỗ trợ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho từng nội dung, công việc cụ thể.**

Triển khai chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai là cần thiết và đúng thẩm quyền.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích: Văn bản được ban hành giúp quy định cụ thể mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Quan điểm xây dựng văn bản: Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng dưới dạng văn bản quy phạm pháp luật.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Thực hiện Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành văn bản số 571/UBND-NL ngày 25/3/2022 để chỉ đạo các sở, ngành và địa phương triển khai.

Sở Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản số 1405/SKHĐT-QLN ngày 10/5/2022 (lấy ý kiến lần đầu) và văn bản số 1714/SKHĐT-QLN ngày 06/6/2022 (lấy ý kiến sau Hội thảo) đề nghị các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tham gia ý kiến góp ý Dự thảo Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Sau khi tổng hợp, tiếp thu, giải trình các ý kiến tham gia góp ý của các đơn vị, Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản số 1804/SKHĐT-QLN ngày 11/6/2022 gửi Sở Tư pháp để thẩm định văn bản quy phạm pháp luật.

Sở Tư pháp có văn bản số 967/STP-NV1 ngày 14/6/2022 về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức phiên họp thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh để thảo luận, thống nhất trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, Kỳ họp thứ Sáu xem xét, quyết định Dự thảo Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục: Nghị quyết này gồm 4 Điều và 01 Phụ lục kèm theo.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

a) **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh:** quy định mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình.

b) **Điều 2. Đối tượng áp dụng:**

1. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã;

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc lập, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình.

3. Xã được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

Căn cứ để xác định 3 đối tượng được hỗ trợ tại Nghị quyết này được vận dụng theo quy định tại Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025. Trong đó, vận dụng tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo để xác định các xã khu vực I, II, III quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 5 Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg.

a) Đối tượng 1: Các xã có tỷ lệ hộ nghèo từ 20% trở lên dựa trên kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều được Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai phê duyệt.

b) Đối tượng 2: Các xã có tỷ lệ hộ nghèo từ 10% đến dưới 20% dựa trên kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều được Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai phê duyệt.

c) Đối tượng 3: Các xã có tỷ lệ hộ nghèo dưới 10% dựa trên kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều được Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai phê duyệt.

4. Huyện được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

Căn cứ vào địa điểm công trình, dự án được triển khai trên địa bàn xã. Theo nguyên tắc: Trường hợp công trình, dự án triển khai trên địa bàn 01 xã thì đối tượng huyện áp dụng theo đối tượng xã đó. Trường hợp công trình, dự án triển khai trên địa bàn nhiều xã, thì đối tượng huyện áp dụng theo đối tượng xã có mức hỗ trợ từ NSNN cao nhất. Cụ thể:

a) Đối tượng 1: Các huyện có công trình, dự án thực hiện trên địa bàn của 01 hoặc nhiều xã, trong đó có xã thuộc đối tượng 1 quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;

b) Đối tượng 2: Các huyện có công trình, dự án thực hiện trên địa bàn của 01 hoặc nhiều xã, trong đó có xã thuộc đối tượng 2 quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, đồng thời không có xã thuộc đối tượng 1 quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

c) Đối tượng 3: Các huyện có công trình, dự án thực hiện trên địa bàn 01 hoặc nhiều xã không thuộc trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản này.

c) Điều 3. Mức hỗ trợ

1. Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình thực hiện theo Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này là mức hỗ trợ tối đa từ ngân sách nhà nước được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) tổng dự toán công trình, dự án được đầu tư.

3. Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình tại các xã thuộc địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi, các huyện nghèo quy định tại

Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này chỉ áp dụng đối với những nội dung không thuộc đối tượng, nội dung hỗ trợ của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững để thực hiện.

4. Đối với việc hỗ trợ các nội dung, công việc khác sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương (kinh phí sự nghiệp) được quy định tại điểm b khoản 1 Mục V Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, không quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai triển khai hỗ trợ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương (kinh phí sự nghiệp) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg.

d) Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Bãi bỏ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai, gồm: Nghị quyết số 57/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 về việc quy định đối tượng và mức hỗ trợ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Nghị quyết số 84/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 57/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định đối tượng và mức hỗ trợ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Nghị quyết số 104/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2019 sửa đổi nội dung Điểm 1b, Mục 1 biểu quy định mức hỗ trợ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai tại Nghị quyết số 57/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Khóa XII, Kỳ họp thứ ... thông qua ngày... tháng... năm 2022; có hiệu lực từ ngày... tháng... năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.

e) Phụ lục kèm theo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước thực hiện chương trình

- Đối với các huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới hỗ trợ từ ngân sách trung ương: Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 96% tổng dự toán công trình, dự án được đầu tư đối với các huyện đối tượng 1 (NSTW 70%, NSĐP 26%); hỗ trợ tối đa 93% tổng dự toán công trình, dự án được đầu tư đối với các xã đối tượng 2 (NSTW 70%, NSĐP 23%) và hỗ trợ tối đa 90% tổng dự toán công trình, dự án được đầu tư đối với các xã đối tượng 3 (NSTW 70%, NSĐP 20%). Riêng công trình, dự án phát triển y tế được hỗ trợ 100% (NSTW 70%, NSĐP 30%). Trong

đó: Ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa cho một công trình, dự án không quá 70% đối với các huyện miền núi theo điểm b khoản 1 phần V Quyết định số 263/QĐ-TTg.

- Đối với các huyện phân đầu đạt chuẩn nông thôn mới hỗ trợ từ ngân sách địa phương: ngân sách địa phương hỗ trợ tối đa 96% tổng dự toán công trình, dự án được đầu tư đối với các xã đối tượng 1; hỗ trợ tối đa 93% tổng dự toán công trình, dự án được đầu tư đối với các xã đối tượng 2 và hỗ trợ tối đa 90% tổng dự toán công trình, dự án được đầu tư đối với các xã đối tượng 3.

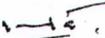
- Đối với các xã: Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 96% tổng dự toán công trình, dự án được đầu tư đối với các xã đối tượng 1; hỗ trợ tối đa 93% tổng dự toán công trình, dự án được đầu tư đối với các xã đối tượng 2 và hỗ trợ tối đa 90% tổng dự toán công trình, dự án được đầu tư đối với các xã đối tượng 3. Riêng trường học và trạm y tế xã được hỗ trợ 100%.

- Công trình dự án phát triển y tế, trường học, trạm y tế xã đề xuất được hỗ trợ 100% từ ngân sách nhà nước để đảm bảo phục vụ công tác an sinh - xã hội, phục vụ cộng đồng.

Mức huy động đóng góp tự nguyện của người dân, cộng đồng và các nguồn vốn hợp pháp khác đối với các huyện, xã đối tượng 1 là 4%, đối với các xã, huyện đối tượng 2 là 7%, đối với các xã, huyện đối tượng 3 là 10% (bình quân khoảng 6%, có công trình, dự án an sinh xã hội được hỗ trợ 100%), đảm bảo khả năng hoàn thành mức huy động đóng góp tự nguyện của người dân và cộng đồng được Thủ tướng Chính phủ giao tại Điểm e Khoản 2 Phần IV Quyết định số 263/QĐ-TTg (Thủ tướng Chính phủ giao 5,7%).

Trên đây là Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết về việc quy định mức hỗ trợ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, Kỳ họp thứ Sáu xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: dự thảo Nghị quyết, văn bản thẩm định của Sở Tư pháp, Báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến, các văn bản góp ý của các cơ quan có liên quan).

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, NL.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Kpã Thuyên

Gia Lai, ngày 16 tháng 6 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình
Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Nghị quyết quy định mức hỗ trợ
từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng
nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

Thực hiện Nghị quyết số 116/NQ-HĐND ngày 01/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Thực hiện văn bản số 571/UBND-NL ngày 25/3/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ;

Thực hiện văn bản số 1078/UBND-KTTH ngày 27/5/2022 của UBND tỉnh về việc tham mưu triển khai thực hiện Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22/5/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Thực hiện văn bản số 1116/UBND-KTTH ngày 01/6/2022 của UBND tỉnh về việc đôn đốc các nội dung trình kỳ họp thứ Sáu, HĐND tỉnh Khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026.

Sau khi tổng hợp, tiếp thu ý kiến góp ý của các sở, ban, ngành, địa phương và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại văn bản số 967/STP-NV1 ngày 14/6/2022. Sở Kế hoạch và Đầu tư kính trình UBND tỉnh hồ sơ dự thảo Nghị quyết quy phạm pháp luật trình kỳ họp thứ Sáu, HĐND tỉnh Khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026 như sau:

I. Tên dự thảo Nghị quyết: Nghị quyết quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

II. Thành phần hồ sơ

- Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Báo cáo đánh giá tác động chính sách của Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Văn bản số 967/STP-NV1 ngày 14/6/2022 của Sở Tư pháp về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Sở Kế hoạch và Đầu tư kính trình UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo Sở (b/c);
- Lưu VT-QLN.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Quế

Số: 116 /NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 01 tháng 6 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về việc xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ khoản 1 Mục V của Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 874/TTr-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2022 về đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo số 84/BC-BPC ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Ban Pháp chế HĐND tỉnh và ý kiến thống nhất của Thường trực HĐND tỉnh tại phiên họp ngày 31 tháng 5 năm 2022.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Chấp thuận đề UBND tỉnh xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Đề nghị UBND tỉnh trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết căn cứ vào kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt để xây dựng mức hỗ trợ từng nội dung, công việc cụ thể, cũng như đối

tượng thụ hưởng. Đồng thời, xây dựng báo cáo đánh giá tác động của chính sách theo quy định tại điểm 3 khoản 9 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 3. Các Ban HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các phòng chuyên môn thuộc Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT-HĐND.

**TM. THƯỜNG TRỰC HĐND TỈNH
CHỦ TỊCH**



Hồ Văn Niên

DỰ THẢO 4

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước
thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai
đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XII KỲ HỌP THỨ ...**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Thực hiện Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông
thôn mới giai đoạn 2021-2025;*

*Thực hiện Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách
trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình
mục tiêu quốc gia;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân
dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực
hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 -
2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra của...; ý kiến thảo luận của
đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025
(sau đây gọi tắt là Chương trình) trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy
ban nhân dân các xã;

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc lập, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình.

3. Xã được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

a) Đối tượng 1: các xã có tỷ lệ hộ nghèo từ 20% trở lên dựa trên kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều được Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai phê duyệt.

b) Đối tượng 2: các xã có tỷ lệ hộ nghèo từ 10% đến dưới 20% dựa trên kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều được Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai phê duyệt.

c) Đối tượng 3: các xã có tỷ lệ hộ nghèo dưới 10% dựa trên kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều được Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai phê duyệt.

4. Huyện được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

a) Đối tượng 1: Các huyện có công trình, dự án thực hiện trên địa bàn của 01 hoặc nhiều xã, trong đó có xã thuộc đối tượng 1 quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;

b) Đối tượng 2: Các huyện có công trình, dự án thực hiện trên địa bàn của 01 hoặc nhiều xã, trong đó có xã thuộc đối tượng 2 quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, đồng thời không có xã thuộc đối tượng 1 quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

c) Đối tượng 3: các huyện có công trình, dự án thực hiện trên địa bàn 01 hoặc nhiều xã không thuộc trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản này.

Điều 3. Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình

1. Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình thực hiện theo Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này là mức hỗ trợ tối đa từ ngân sách nhà nước được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) tổng dự toán công trình, dự án được đầu tư.

3. Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình tại các xã thuộc địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi, các huyện nghèo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này chỉ áp dụng đối với những nội dung không thuộc đối tượng, nội dung hỗ trợ của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững để thực hiện.

4. Đối với việc hỗ trợ các nội dung, công việc khác sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương (kinh phí sự nghiệp) được quy định tại điểm b khoản 1 Mục V Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, không quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai triển khai hỗ trợ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương (kinh

phí sự nghiệp) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Bãi bỏ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai, gồm: Nghị quyết số 57/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 về việc quy định đối tượng và mức hỗ trợ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Nghị quyết số 84/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 57/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định đối tượng và mức hỗ trợ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Nghị quyết số 104/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2019 sửa đổi nội dung Điểm 1b, Mục 1 biểu quy định mức hỗ trợ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai tại Nghị quyết số 57/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Khóa XII, Kỳ họp thứ ... thông qua ngày... tháng... năm 2022; có hiệu lực từ ngày... tháng... năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Ban Công tác đại biểu;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật thuộc Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế các Bộ: Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh và Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh (đăng công báo);
- Các sở: Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Hội đồng nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo và chuyên viên phòng Tổng hợp;
- Báo Gia Lai; Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND.

CHỦ TỊCH

Hồ Văn Niên

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai)

TT	Nội dung, công việc	Mức hỗ trợ						Ghi chú
		Đối tượng 1		Đối tượng 2		Đối tượng 3		
		Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương (Ngân sách: cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương (Ngân sách: cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương (Ngân sách: cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã)	
I	Các nội dung, công việc hỗ trợ từ ngân sách Trung ương đối với các huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới trong giai đoạn 2021-2025							
1	Công trình, dự án phát triển y tế	70%	30%	70%	30%	70%	30%	
2	Hạ tầng cấp thiết kết nối xã, huyện	70%	26%	70%	23%	70%	20%	
3	Hạ tầng phục vụ cho các hoạt động của cộng đồng	70%	26%	70%	23%	70%	20%	
4	Công trình xử lý, thu gom rác thải sinh hoạt, chất thải	70%	26%	70%	23%	70%	20%	
5	Công trình nước sạch tập trung	70%	26%	70%	23%	70%	20%	
6	Công trình xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề	70%	26%	70%	23%	70%	20%	
7	Công trình, dự án đầu tư thuộc Chương trình OCOP	70%	26%	70%	23%	70%	20%	
II	Các nội dung, công việc hỗ trợ từ ngân sách địa phương đối với các huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới trong giai đoạn 2021-2025							
1	Công trình, dự án phát triển y tế		100%		100%		100%	
2	Hạ tầng cấp thiết kết nối xã, huyện		96%		93%		90%	

TT	Nội dung, công việc	Mức hỗ trợ						Ghi chú
		Đối tượng 1		Đối tượng 2		Đối tượng 3		
		Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương (Ngân sách: cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương (Ngân sách: cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương (Ngân sách: cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã)	
3	Hạ tầng phục vụ cho các hoạt động của cộng đồng		96%		93%		90%	
4	Công trình xử lý, thu gom rác thải sinh hoạt, chất thải		96%		93%		90%	
5	Công trình nước sạch tập trung		96%		93%		90%	
6	Công trình xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề		96%		93%		90%	
7	Công trình, dự án đầu tư thuộc Chương trình OCOP		96%		93%		90%	
III	Các nội dung, công việc không thuộc mục I, mục II phụ lục này							
1	Xây dựng và nâng cấp đường giao thông							
1.a	Đường giao thông đến trung tâm xã (1)		96%		93%		90%	
1.b	Đường giao thông thôn, xóm		96%		93%		90%	
1.c	Đường giao thông nội đồng		96%		93%		90%	
2	Hệ thống thủy lợi nội đồng		96%		93%		90%	
3	Hạ tầng thiết yếu phục vụ phòng chống thiên tai của xã		96%		93%		90%	
4	Trường học (2)							
4.a	Trường trung học phổ thông (hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học)		100%		100%		100%	

TT	Nội dung, công việc	Mức hỗ trợ						Ghi chú
		Đối tượng 1		Đối tượng 2		Đối tượng 3		
		Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương (Ngân sách: cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương (Ngân sách: cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương (Ngân sách: cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã)	
4.b	Trường trung học cơ sở	100%		100%		100%		
4.c	Trường tiểu học	100%		100%		100%		
4.d	Trường mầm non	100%		100%		100%		
5	Trạm y tế xã	100%		100%		100%		
6	Văn hóa, thể thao							
6.a	Trung tâm thể thao xã	96%		93%		90%		
6.b	Nhà văn hóa xã	96%		93%		90%		
6.c	Khu thể thao thôn, làng	96%		93%		90%		
6.d	Nhà văn hóa thôn, làng	96%		93%		90%		
7	Công trình cấp nước sinh hoạt	96%		93%		90%		
8	Cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường nông thôn	96%		93%		90%		
9	Cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở	96%		93%		90%		
10	Hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ cho quá trình ứng dụng công nghệ số và chuyển đổi số ở nông thôn	96%		93%		90%		
11	Hệ thống lưới điện nông thôn	96%		93%		90%		

TT	Nội dung, công việc	Mức hỗ trợ						Ghi chú
		Đối tượng 1		Đối tượng 2		Đối tượng 3		
		Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương (Ngân sách: cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương (Ngân sách: cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương (Ngân sách: cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã)	
12	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, chợ an toàn thực phẩm cấp xã	96%		93%		90%		
13	Hạ tầng các khu sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản	96%		93%		90%		
14	Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp	96%		93%		90%		
15	Đầu tư kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm	96%		93%		90%		
16	Cơ sở vật chất các cơ sở giáo dục chuyên nghiệp thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn	96%		93%		90%		
17	Công trình xử lý môi trường cấp xã, thôn, cải tạo nghĩa trang, cải tạo cảnh quan nông thôn, phát triển du lịch nông thôn.	96%		93%		90%		

Ghi chú: Các đối tượng 1, 2, 3 được quy định tại Điều 2 Nghị quyết này.

(1): Đối với đường đến trung tâm xã tại các địa phương không thể huy động được vốn góp của người dân và doanh nghiệp, được phép cân đối ngân sách địa phương để thực hiện.

(2): Áp dụng đối với trường công lập.

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

Trong đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 63/2020/QH14; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết về biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016, Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng Báo cáo đánh giá tác động chính sách: quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai như sau:

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

a) Khoản 2 Điều 51 Luật Đầu tư công năm 2019 quy định nguyên tắc bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm cho chương trình, dự án: tuân thủ theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn được cấp có thẩm quyền quyết định.

b) Khoản 3 Điều 48 Luật Đầu tư công năm 2019 quy định nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm: Việc phân bổ vốn đầu tư công phải tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công trong từng giai đoạn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 giao: Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho từng nội dung, công việc cụ thể để hỗ trợ các xã, các huyện xây dựng nông thôn mới.

d) Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

2. Vấn đề bắt cập tổng quan

a) Tiếp tục khắc phục, tháo gỡ những vướng mắc, bất cập trong phân bổ

vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ngân sách nhà nước và huy động tối đa nguồn vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác để đầu tư thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025.

b) Quyết định đầu tư Chương trình giai đoạn 2021-2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt với mục tiêu, nguồn vốn ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương và địa phương), mức huy động có nhiều thay đổi so với giai đoạn 2016-2020... Do đó, có nhiều quy định trong việc hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình giai đoạn 2016-2020 không còn phù hợp, cần phải kịp thời điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp:

- Về đối tượng phân bổ vốn ngân sách nhà nước:

+ Giai đoạn 2016-2020: Ưu tiên hỗ trợ cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; xã nghèo thuộc các huyện nghèo; xã nghèo thuộc huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao được áp dụng cơ chế, chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng như các huyện nghèo; Tập trung đầu tư cho các xã đạt dưới 05 tiêu chí và các xã đã đạt trên 15 tiêu chí để phấn đấu hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới; chú trọng đầu tư cho các xã chưa hoàn thành các công trình hạ tầng cơ bản (giao thông, điện, trường học, trạm y tế, nước sạch, thủy lợi); hỗ trợ phát triển sản xuất, bảo vệ môi trường.

+ Giai đoạn 2021-2025: Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững; ưu tiên nguồn lực cho các xã, các huyện chưa đạt chuẩn nông thôn mới, nhất là các xã đạt dưới 15 tiêu chí; hỗ trợ các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí nông thôn mới đã đạt chuẩn nhưng chỉ tiêu vẫn còn thấp để nâng cao chất lượng các tiêu chí và bảo đảm bền vững; Bố trí vốn hỗ trợ các Chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Về cơ chế hỗ trợ từ ngân sách trung ương:

+ Giai đoạn 2016-2020:

(1) Hỗ trợ 100% từ ngân sách Nhà nước cho tất cả các xã để thực hiện: Công tác quy hoạch; tuyên truyền; đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực cho cộng đồng, người dân và cán bộ xây dựng nông thôn mới các cấp; đào tạo nghề cho lao động nông thôn (thuộc phạm vi của Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt).

(2) Hỗ trợ một phần từ ngân sách Nhà nước cho các xã để thực hiện: Xây dựng đường giao thông đến trung tâm xã, đường giao thông thôn, xóm, giao thông nội đồng, hệ thống thủy lợi nội đồng, trường học, trạm y tế xã, trung tâm thể thao, nhà văn hóa xã, khu thể thao, nhà văn hóa thôn, bản, các công trình cấp nước sinh hoạt, thoát nước thải khu dân cư, cải tạo nghĩa trang, cảnh quan môi trường nông thôn, cải tạo, mở rộng, nâng cấp hệ thống lưới điện nông thôn; hoàn thiện, xây mới hệ thống chợ, cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo quy định, hạ tầng các khu sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản, phát triển sản

xuất và dịch vụ, nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt chuẩn, hỗ trợ cho xây dựng các trung tâm bán hàng hiện đại ở cấp xã, hỗ trợ phát triển hợp tác xã (theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ), hỗ trợ thực hiện Đề án thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới tại vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016-2020 (theo Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ), kinh phí vận hành Quỹ xây dựng nông thôn mới. Đối với các xã thuộc các huyện nghèo trong Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ được ngân sách Nhà nước hỗ trợ tối đa 100% cho các nội dung nêu trên.

+ Giai đoạn 2021-2025:

(1) Hỗ trợ 100% từ ngân sách nhà nước để thực hiện: Rà soát, điều chỉnh lập mới quy hoạch cấp xã và vùng huyện; công tác tuyên truyền; đào tạo, tập huấn, phổ biến kiến thức, nâng cao năng lực cho cộng đồng, người dân và cán bộ các cấp, kinh phí quản lý thực hiện Chương trình các cấp; nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của chính quyền, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM; thực hiện các phong trào thi đua trong xây dựng NTM. Đào tạo nghề cho lao động nông thôn (Các đối tượng hỗ trợ thuộc địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, các huyện nghèo bố trí từ kinh phí của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững để thực hiện).

(2) Hỗ trợ một phần từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung sau: Hỗ trợ xây dựng và nâng cấp đường giao thông đến trung tâm xã, đường giao thông thôn, xóm, giao thông nội đồng; hệ thống thủy lợi nội đồng; hạ tầng thiết yếu phục vụ phòng chống thiên tai của xã; trường học; trạm y tế xã; phát triển mạng lưới y tế cơ sở; trung tâm thể thao, nhà văn hóa xã, khu thể thao, nhà văn hóa thôn, bản; các công trình cấp nước sinh hoạt; cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường nông thôn; cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở; hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ cho quá trình ứng dụng công nghệ số và chuyển đổi số ở nông thôn; hệ thống lưới điện nông thôn; cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, chợ an toàn thực phẩm cấp xã theo quy định; hạ tầng các khu sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản; trung tâm kỹ thuật nông nghiệp; thực hiện thông báo và gắn biển địa chỉ số cho từng hộ gia đình và các cơ quan, tổ chức trên địa bàn nông thôn gắn với bản đồ số Việt Nam; phát triển kinh tế nông thôn, phát triển sản xuất liên kết chuỗi, truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh, chứng nhận VietGap (hoặc chứng chỉ tương đương), gắn mã vùng trồng; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm; đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ hợp tác xã; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã khởi nghiệp, sáng tạo trong cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn; tổ chức triển khai Chương trình OCOP và hỗ trợ các chủ thể phát triển sản phẩm OCOP; hỗ trợ đầu tư sửa chữa, cải tạo, mở rộng cơ sở vật chất, nhà

xưởng, phòng học, mua sắm thiết bị đào tạo, phương tiện vận chuyển đào tạo lưu động và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo cho các cơ sở giáo dục chuyên nghiệp thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn; các công trình xử lý môi trường cấp xã, thôn, cải tạo nghĩa trang, cải tạo cảnh quan nông thôn, phát triển du lịch nông thôn; đảm bảo tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân, thúc đẩy bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; cải thiện tình trạng dinh dưỡng cho trẻ em và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho người dân nông thôn; các mô hình an ninh trật tự, hỗ trợ camera an ninh ở xã, thôn; nâng cao chất lượng các tiêu chí NTM đã đạt chuẩn.

Hỗ trợ các huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới: Hoàn thành hạ tầng cấp thiết kết nối xã, huyện; hạ tầng phục vụ cho các hoạt động của cộng đồng; phát triển y tế; công trình xử lý, thu gom rác thải sinh hoạt, chất thải; nước sạch tập trung; xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề, Chương trình OCOP,... Ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa cho một công trình, dự án không quá 70% đối với các huyện miền núi, không quá 50% đối với các huyện còn lại. Căn cứ kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, điều kiện thực tế của các địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho từng nội dung, công việc cụ thể.

Các xã thuộc địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, các huyện nghèo: Kinh phí của Chương trình chỉ hỗ trợ những nội dung không thuộc đối tượng, nội dung hỗ trợ của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững để thực hiện. Các xã còn lại: Căn cứ Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, điều kiện thực tế của các địa phương và nhu cầu hỗ trợ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho từng nội dung, công việc cụ thể.

c) Chương trình giai đoạn 2021-2025 có nhiều nội dung mới được cập nhật, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước trong xây dựng nông thôn mới. Đặc biệt, để giải quyết những vấn đề bức thiết, bất cập của Chương trình giai đoạn 2010-2020, góp phần nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần cho người dân nông thôn, xây dựng nông thôn mới thực chất và bền vững, trong giai đoạn 2021-2025, ngoài 11 nội dung thành phần, còn có thêm 06 chương trình chuyên đề được xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt để thực hiện nhằm xác định nhiệm vụ và định hướng chỉ đạo thực hiện trên tất cả các xã, huyện của cả nước.

3. Mục tiêu xây dựng chính sách

a) Mục tiêu tổng thể

Việc quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước nhằm bảo đảm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 công khai,

minh bạch, đúng đối tượng, đúng quy định của pháp luật, trọng tâm, trọng điểm và bền vững; Ưu tiên nguồn lực cho các xã, các huyện chưa đạt chuẩn NTM, nhất là các xã đạt dưới 15 tiêu chí; hỗ trợ các xã đã đạt chuẩn NTM tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí NTM đã đạt chuẩn nhưng chỉ tiêu vẫn còn thấp để nâng cao chất lượng các tiêu chí và bảo đảm bền vững; ưu tiên hỗ trợ cho các địa phương còn tiêu chí về hạ tầng chưa đạt chuẩn; bố trí thực hiện các chương trình chuyên đề nhằm giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất trong xây dựng NTM; làm cơ sở cho các địa phương xây dựng kế hoạch, thực hiện phân bổ và kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn trung hạn, hằng năm trong giai đoạn 2021-2025.

b) Mục tiêu cụ thể

Hỗ trợ nguồn lực cho các địa phương hoàn thành mục tiêu được Tỉnh ủy giao trong giai đoạn 2021-2025:

- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới: trên 120 xã.
- Số địa phương cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới: 10 địa phương.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 1: Đối tượng được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

1.1. Xác định vấn đề bất cập

- Các quy định về đối tượng được hỗ trợ giai đoạn 2016 - 2020 đã hết hiệu lực thi hành;

- Trung ương ban hành quy định mới về tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo để xác định các xã khu vực I, II, III (Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025).

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Xác định đối tượng được hỗ trợ để phù hợp với quy định mới của Trung ương.

- Xác định đúng đối tượng để có thể huy động mức đóng góp tự nguyện của người dân và tổ chức phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của từng địa phương.

1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên các quy định pháp luật giai đoạn 2016-2020 (thực hiện theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg).

b) Giải pháp 2: ban hành văn bản mới quy định cơ chế hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh, có kế thừa Quyết định số 1600/QĐ-TTg.

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp

a) Đối với giải pháp 1:

- Tác động về kinh tế: Không làm phát sinh các chi phí với nhà nước và người dân.

- Tác động về xã hội: đối tượng được hỗ trợ giai đoạn 2016-2020 đã được các địa phương triển khai, làm quen, được đánh giá là công khai, minh bạch, cơ bản phù hợp.

- Tác động về giới: Không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do quy định được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không làm phát sinh mới về thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không có tác động.

b) Tác động của giải pháp 02:

- Tác động về kinh tế: Không làm phát sinh các chi phí với nhà nước và người dân.

Quy định đối tượng được hỗ trợ từ năm 2018 đến nay, kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Do vậy, ban hành văn bản mới không làm phát sinh kinh phí từ ngân sách nhà nước so với hiện hành.

- Tác động về xã hội: việc sửa đổi, bổ sung hệ số đối tượng được hỗ trợ sẽ giúp:

+ Việc phân bổ, xác định vốn ngân sách ở các cấp thuận lợi do sự thay đổi không nhiều; ưu tiên thêm nguồn lực cho các xã còn tiêu chí cần đầu tư.

+ Giúp cho công tác phân bổ vốn được tiến hành công khai, minh bạch, phù hợp với hệ thống pháp luật liên quan.

+ Xác định rõ trách nhiệm của cấp, các ngành,

Do vậy, tác động về xã hội là tích cực, bảo đảm theo các quy định liên quan; tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức triển khai thực hiện.

- Tác động về giới: quy định về đối tượng được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước không liên quan đến cá nhân. Do vậy, không có tác động về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: quy định về đối tượng được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước được thực hiện giữa các cơ quan quản lý nhà nước từ cấp xã đến trung ương. Do vậy, không có tác động về thủ tục hành chính.

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn Kiến nghị lựa chọn giải pháp: Lựa chọn giải pháp 2.

2. Chính sách 2: Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho các đối tượng

2.1. Xác định vấn đề bất cập

- Các quy định về đối tượng được hỗ trợ giai đoạn 2016 - 2020 đã hết hiệu lực thi hành;

- Quyết định số 263/QĐ-TTg quy định cơ cấu nguồn vốn thực hiện Chương trình có thay đổi so với giai đoạn 2016-2020.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Xác định mức hỗ trợ cho các đối tượng để phù hợp với quy định mới của Trung ương.

- Xác định đúng đối tượng để có thể huy động mức đóng góp tự nguyện của người dân và tổ chức phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của từng địa phương.

2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên các quy định pháp luật giai đoạn 2016-2020 (thực hiện theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg).

b) Giải pháp 2: ban hành văn bản mới quy định cơ chế hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh, có kế thừa Quyết định số 1600/QĐ-TTg.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp

a) Đối với giải pháp 1:

- Tác động về kinh tế: Không làm phát sinh các chi phí với nhà nước và người dân.

- Tác động về xã hội: mức hỗ trợ vốn giai đoạn 2016-2020 đã được các địa phương triển khai, làm quen, được đánh giá là công khai, minh bạch, cơ bản phù hợp.

- Tác động về giới: Không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do quy định được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không làm phát sinh mới về thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không có tác động.

b) Tác động của giải pháp 02:

- Tác động về kinh tế: Không làm phát sinh các chi phí với nhà nước và người dân.

Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho các nội dung, đối tượng được hỗ trợ từ năm 2018 đến nay, kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Do vậy, ban hành văn bản mới không làm phát sinh kinh phí từ ngân sách nhà nước so với hiện hành.

- Tác động về xã hội: việc sửa đổi, bổ sung hệ số định mức phân bổ vốn sẽ giúp:

+ Việc phân bổ, xác định vốn ngân sách ở các cấp thuận lợi do sự thay đổi không nhiều; ưu tiên thêm nguồn lực cho các xã còn tiêu chí cần đầu tư.

+ Giúp cho công tác phân bổ vốn được tiến hành công khai, minh bạch, phù hợp với hệ thống pháp luật liên quan.

+ Xác định rõ trách nhiệm của cấp, các ngành,

Do vậy, tác động về xã hội là tích cực, bảo đảm theo các quy định liên quan; tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức triển khai thực hiện.

- Tác động về giới: quy định về mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước không liên quan đến cá nhân. Do vậy, không có tác động về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: quy định về mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước được thực hiện giữa các cơ quan quản lý nhà nước từ cấp xã đến trung ương. Do vậy, không có tác động về thủ tục hành chính.

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn Kiến nghị lựa chọn giải pháp: Lựa chọn giải pháp 2.

III. Ý KIẾN THAM VẤN

Trong quá trình xây dựng dự thảo và đánh giá tác động của Dự thảo Nghị quyết, Cơ quan soạn thảo đã tham vấn ý kiến của các cơ quan liên quan, các địa phương. Quá trình đánh giá tác động đã giúp cho Ban soạn thảo lựa chọn được các phương án tối ưu để đưa vào dự thảo Nghị quyết. Các phương án được lựa chọn cơ bản đáp ứng được các mục tiêu bảo đảm tính khoa học, phù hợp với thực tiễn, tính đến hiệu quả, tránh tính hình thức, bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống văn bản pháp luật; bảo đảm tính kịp thời trong giải quyết các vấn đề của thực tiễn.

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

Phân công, phối hợp giữa cấp tỉnh và địa phương để triển khai thực hiện Nghị quyết, tập trung tăng cường chất lượng công tác kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện Nghị quyết.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các sở: Tư pháp, Tài chính; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, QL.N.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Quế

Gia Lai, ngày tháng 6 năm 2022

BÁO CÁO

Tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến về đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện văn bản số 571/UBND-NL ngày 25/3/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ;

Sau khi tổ chức lấy ý kiến của các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố về nội dung dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến như sau:

I. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chương MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022.

Tại điểm b khoản 1 phần V Quyết định số 263/QĐ-TTg quy định về cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình như sau:

- Hỗ trợ một phần từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung sau:

+ Hỗ trợ xây dựng và nâng cấp đường giao thông đến trung tâm xã, đường giao thông thôn, xóm, giao thông nội đồng; ...

+ Hỗ trợ các huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới: Hoàn thành hạ tầng cấp thiết kết nối xã, huyện; hạ tầng phục vụ cho các hoạt động của cộng đồng; phát triển y tế; công trình xử lý, thu gom rác thải sinh hoạt, chất thải; nước sạch tập trung; xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề, Chương trình OCOP,... **Căn cứ kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, điều kiện thực tế của các địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho từng nội dung, công việc cụ thể.**

Các xã thuộc địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, các huyện nghèo: Kinh phí của Chương trình chỉ hỗ trợ những nội dung không thuộc đối tượng, nội dung hỗ trợ của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững để thực hiện. Các xã còn lại: Căn cứ Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, điều kiện thực tế của các địa phương và nhu cầu hỗ trợ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho từng nội dung, công việc cụ thể.

Triển khai chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai là cần thiết và đúng thẩm quyền.

II. Triển khai ý kiến chỉ đạo của Thường trực HĐND tỉnh tại Nghị quyết số 116/NQ-HĐND ngày 01/6/2022

Tại Điều 2 Nghị quyết số 115/NQ-HĐND ngày 01/6/2022, Thường trực HĐND tỉnh “*Đề nghị UBND tỉnh trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết căn cứ vào kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt để xây dựng mức hỗ trợ từng nội dung, công việc cụ thể, cũng như đối tượng thụ hưởng. Đồng thời, xây dựng báo cáo đánh giá tác động của chính sách theo quy định tại điểm 3 khoản 9 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.*”.

Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo như sau:

- Đã bổ sung Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia vào căn cứ pháp lý của dự thảo Nghị quyết.

- Đã xây dựng báo cáo đánh giá tác động của chính sách kèm theo hồ sơ dự thảo Nghị quyết.

III. Nội dung chính của Nghị quyết

1. Bố cục: Nghị quyết này gồm 4 Điều và 01 Phụ lục kèm theo.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

a) Điều 1. Phạm vi điều chỉnh: quy định mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình.

b) Điều 2. Đối tượng áp dụng:

d) Điều 3. Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình

đ) Điều 4. Điều khoản thi hành

e) Phụ lục kèm theo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước thực hiện chương trình

IV. Ý kiến tham gia của các Sở, ban, ngành và địa phương

Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tổ chức lấy ý kiến tại văn bản số 1405/SKHĐT-KTN ngày 10/5/2022 và văn bản số 1714/SKHĐT-QLN ngày 06/6/2022. Hầu hết các sở, ban, ngành, địa phương đều thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo giải trình và tiếp thu ý kiến của một số cơ quan như sau:

1. Ý kiến của Sở Tư pháp

- Tiếp thu ý kiến góp ý của Sở Tư Pháp tại văn bản số 769/STP-NV1 ngày 18/5/2022 và văn bản số 936/ STP-NV1 ngày 09/6/2022.

- Tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại văn bản số 967/STP-NV1 ngày 14/6/2022.

- Đối với nội dung “Tại Điều 3: Căn cứ điểm b khoản 1 Mục V Chương trình kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg, đồng thời để bảo đảm thống nhất với phạm vi điều chỉnh của dự thảo văn bản, đề nghị chuyển nội dung ở Điều 3 sang dự thảo phụ lục hoặc trình bày ở điều, khoản khác trong dự thảo văn bản cho phù hợp, bảo đảm thể hiện Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định mức hỗ trợ tương ứng với đối tượng được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg (đối tượng được hỗ trợ xác định theo Chương trình kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg, Hội đồng nhân dân tỉnh không quy định về đối tượng được hỗ trợ)”.

Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu và chỉnh sửa như sau: Chuyển toàn bộ nội dung của Điều 3 vào nội dung của Điều 2. *Đối tượng áp dụng* (bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 2):

“Điều 2. *Đối tượng áp dụng*

3. Xã được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

a) *Đối tượng 1: các xã có tỷ lệ hộ nghèo từ 20% trở lên dựa trên kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều được Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai phê duyệt.*

b) *Đối tượng 2: các xã có tỷ lệ hộ nghèo từ 10% đến dưới 20% dựa trên kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều được Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai phê duyệt.*

c) *Đối tượng 3: các xã có tỷ lệ hộ nghèo dưới 10% dựa trên kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều được Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai phê duyệt.*

4. Huyện được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

a) *Đối tượng 1: Các huyện có công trình, dự án thực hiện trên địa bàn của 01 hoặc nhiều xã, trong đó có xã thuộc đối tượng 1 quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;*

b) *Đối tượng 2: Các huyện có công trình, dự án thực hiện trên địa bàn của 01 hoặc nhiều xã, trong đó có xã thuộc đối tượng 2 quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, đồng thời không có xã thuộc đối tượng 1 quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.*

c) *Đối tượng 3: các huyện có công trình, dự án thực hiện trên địa bàn 01 hoặc nhiều xã không thuộc trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản này”.*

- Đối với nội dung “Đối với các hạng mục công trình hỗ trợ 100% từ ngân sách nhà nước để thực hiện (trường học; công trình, dự án phát triển y tế), đề nghị thuyết minh rõ sự cần thiết, lý do cần phải hỗ trợ 100% từ ngân sách nhà nước để thực hiện mà không phải hỗ trợ một phần từ ngân sách nhà nước để thực hiện”:

Giải trình: Các dự công trình, dự án đầu tư liên quan đến lĩnh vực an sinh xã hội (Giáo dục, Y tế), ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí để đầu tư là phù hợp.

- Đối với nội dung “Đề nghị thuyết minh rõ việc không xây dựng nội dung về mức hỗ trợ đối với các nội dung, công việc: Phát triển mạng lưới y tế cơ sở; thực hiện thông báo và gắn biển địa chỉ số cho từng hộ gia đình và các cơ quan, tổ chức trên địa bàn nông thôn gắn với bản đồ số Việt Nam; phát triển kinh tế nông thôn, phát triển sản xuất liên kết chuỗi, truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh, chứng nhận VietGap (hoặc chứng chỉ tương đương), gắn mã vùng trồng; đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ hợp tác xã; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã khởi nghiệp, sáng tạo trong cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn; tổ chức triển khai Chương trình OCOP và hỗ trợ các chủ thể phát triển sản phẩm OCOP; hỗ trợ đầu tư sửa chữa, cải tạo, mở rộng nhà xưởng, phòng học, mua sắm thiết bị đào tạo, phương tiện vận chuyển đào tạo lưu động và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo cho các cơ sở giáo dục chuyên nghiệp thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn; đảm bảo tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân, thúc đẩy bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; cải thiện tình trạng dinh dưỡng cho trẻ em và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho người dân nông thôn; các mô hình an ninh trật tự, hỗ trợ camera an ninh ở xã, thôn; nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới đã đạt chuẩn”:

Giải trình: Các nội dung nêu trên sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp để hỗ trợ. Tại điểm c khoản 1 phần VI Chương trình kèm theo Quyết định số 263/QĐ-

TTg, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Tài chính “Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cân đối, ưu tiên bổ sung nguồn vốn ngân sách trung ương (kinh phí sự nghiệp) cho Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 và hàng năm theo yêu cầu của Quốc hội, phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn và khả năng cân đối của ngân sách nhà nước”. Hiện nay, Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn thực hiện các nội dung nêu trên, vì vậy cơ quan soạn thảo bổ sung thêm vào Điều 3. *Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình như sau:*

“Đối với việc hỗ trợ các nội dung, công việc khác sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương (kinh phí sự nghiệp) được quy định tại điểm b khoản 1 Mục V Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, không quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai triển khai hỗ trợ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương (kinh phí sự nghiệp) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg”.

- Đối với nội dung “Đề nghị thuyết minh, làm rõ lý do xây dựng mức hỗ trợ tối đa (không xây dựng mức hỗ trợ cụ thể) tại dự thảo văn bản trong hồ sơ dự thảo văn bản trình Hội đồng nhân dân tỉnh”:

Giải trình: Quy định mức tối đa, để tạo sự linh hoạt trong cơ chế huy động vốn. Đối với trường hợp người dân, doanh nghiệp tự nguyện đóng góp nhiều, thì NSNN có thể hỗ trợ ít đi so với mức quy định tại Nghị quyết.

2. Sở Nông nghiệp và PTNT

- Cơ bản tiếp thu ý kiến góp ý của Sở Nông nghiệp và PTNT tại văn bản số 1903/SNNPTNT-VPNTM ngày 18/5/2018.

- Đối với nội dung “*Tại điểm b khoản 1 phần V Quyết định số 263/QĐ-TTg quy định các nội dung được hỗ trợ 100% từ ngân sách nhà nước để thực hiện không bao gồm “trường học, trạm y tế”. Hai nội dung hỗ trợ này thuộc nhóm được hỗ trợ một phần từ ngân sách nhà nước để thực hiện. Tuy nhiên, trong dự thảo quy định “trường học, trạm y tế” được hỗ trợ 100% ngân sách nhà nước để thực hiện. Đề nghị đơn vị soạn thảo giải trình cơ sở đề xuất nội dung này”*”:

Giải trình: Nội dung này đã giải trình tại ý 4 khoản 1 phần III.

3. UBND thị xã Ayun Pa

- Đối với nội dung “*Đối với các xã: Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 96% tổng dự toán công trình, dự án được đầu tư đối với các xã đối tượng 1; hỗ trợ tối đa 94% tổng dự toán công trình, dự án được đầu tư đối với các xã đối tượng 2 và hỗ trợ tối đa 92% tổng dự toán công trình, dự án được đầu tư đối với các xã đối tượng 3. Riêng trường học và trạm y tế xã được hỗ trợ 100%. Đối với cấp huyện: Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 96% tổng dự toán công trình, dự án*

được đầu tư đối với các huyện đối tượng 1 (NSTW 70%, NSDP 26%); hỗ trợ tối đa 94% tổng dự toán công trình, dự án được đầu tư đối với các xã đối tượng 2 (NSTW 70%, NSDP 24%) và hỗ trợ tối đa 92% tổng dự toán công trình, dự án được đầu tư đối với các xã đối tượng 3 (NSTW 70%, NSDP 22%) Riêng công trình, dự án phát triển y tế được hỗ trợ 100% (NSTW 70%, NSDP 30%)”:

Giải trình: Dự thảo Nghị quyết quy định ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 96% tổng dự toán công trình, dự án được đầu tư đối với các xã, huyện đối tượng 1 (bằng đề xuất của thị xã); 93% đối với các xã đối tượng 2 (ít hơn 1%) và 90% đối với các xã đối tượng 3 (ít hơn 2%). Mức hỗ trợ trên được hầu hết các sở, ngành và địa phương thống nhất, vì vậy ý kiến của UBND thị xã Ayun Pa chưa phù hợp với ý kiến tổng quan của đa số các sở, ngành, địa phương.

4. UBND huyện Phú Thiện

Đối với nội dung “Đề nghị bổ sung đối tượng được hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước quy định tại Điều 4 của dự thảo Nghị quyết đối với các thôn thuộc xã khu vực III nhưng không phải thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 được phê duyệt tại Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 để có cơ sở hỗ trợ đầu tư đối với các thôn này. Đề nghị bổ sung quy định rõ về đối tượng được hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước quy định tại Điều 4 của dự thảo Nghị quyết đối với các thôn thuộc xã khu vực I, II nhưng là thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 được phê duyệt tại Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 để có cơ sở xác định hỗ trợ đầu tư hoặc không hỗ trợ đầu tư đối với các thôn này”:

Giải trình: điểm b khoản 2 Điều 5 Quyết định 07/2022/QĐ-TTg quy định: các địa phương chủ động bố trí vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các xã, huyện; ngân sách tỉnh hỗ trợ cho các huyện; vốn ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp để thực hiện theo quy định.

5. UBND huyện Kông Chro

- Đối với nội dung: *Bổ sung tại khoản 1 Điều 4 như sau: “d) Đối tượng 4: Các xã thuộc danh sách huyện nghèo đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 về việc phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025”:*

Giải trình: Các xã thuộc danh sách huyện nghèo đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 353/QĐ-TTg thuộc đối tượng được hỗ trợ từ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Tại Khoản 2 Điều 6 Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg, Thủ tướng giao tỉnh phân bổ kế hoạch vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới “đảm bảo không chồng chéo, trùng lặp địa bàn, phạm vi, đối tượng đầu tư với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững”.

(Kèm theo báo cáo này biểu tổng hợp ý kiến và văn bản tham gia góp ý của các sở, ban, ngành, địa phương).

Trên đây là báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến về đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai./.

BÁO CÁO TỔNG HỢP Ý KIẾN THAM GIA GÓP Ý DỰ THẢO

Nghị quyết quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

(kèm theo Báo cáo báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến về đề nghị ban hành Nghị quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu/giữ nguyên như dự thảo	Báo cáo giải trình
A	Lấy ý kiến lần đầu tại văn bản số 1405/SKHĐT-QLN ngày 10/5/2022			
I	Các Sở, ngành, địa phương đã gửi văn bản góp ý			
1	Sở Tư pháp	Tại tên gọi của văn bản, căn cứ điểm b khoản 1 Mục V Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây viết là Chương trình kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg), đề nghị sửa như sau: “Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai”	Tiếp thu	Đã chỉnh sửa
		Tại Điều 3, đề nghị bỏ Điều này, vì đã được quy định tại điểm b khoản 1 Mục V Chương trình kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg, đồng thời để bảo đảm phù hợp với thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.	Tiếp thu	Đã chỉnh sửa
		Đề nghị chỉnh sửa nội dung “quyết định phê duyệt kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo theo tiêu chí nghèo đa chiều” bảo đảm sử dụng từ ngữ chính xác, thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.	Tiếp thu	Đã chỉnh sửa
		Đề nghị bỏ nội dung “trước thời điểm hỗ trợ” hoặc chỉnh sửa nội dung bảo đảm rõ ràng, chặt chẽ.	Tiếp thu	Đã chỉnh sửa
		Tại khoản 3, đề nghị chuyển nội dung ở khoản này sang Điều 5 cho phù hợp; đồng thời sửa lại như sau: “3. Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình tại các xã thuộc địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi, các huyện nghèo quy định Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này chỉ áp dụng đối với những nội dung không thuộc đối tượng, nội dung hỗ trợ của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững để thực hiện.”.	Tiếp thu	Đã chỉnh sửa
		Sửa nội dung “Bãi bỏ các Nghị quyết sau: ...” như sau: “Bãi bỏ các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai, gồm: ...”.	Tiếp thu	Đã chỉnh sửa
		Tại Biểu quy định mức hỗ trợ vốn đầu tư phát triển: - Đề nghị bỏ nội dung quy định mức huy động đóng góp tự nguyện của người dân, cộng đồng và các nguồn vốn hợp pháp khác. - Ở nội dung về hạng mục công trình, đề nghị xác định hạng mục công trình bảo đảm chính xác, thống nhất với quy định tại điểm b khoản 1 Mục V Chương trình kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg. - Ở nội dung về hạng mục công trình “Trường học” Điểm b khoản 2 Mục III Chương trình kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg quy định: “Nội dung 04: Tiếp tục xây dựng, hoàn chỉnh các công trình cấp xã, cấp huyện đảm bảo đạt chuẩn cơ sở vật chất cho các trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đảm bảo đạt chuẩn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.”	Tiếp thu	Đã chỉnh sửa, bổ sung Trường Trung học Phổ thông hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu/giữ nguyên như dự thảo	Báo cáo giải trình
		<p>Căn cứ điểm b khoản 1 Mục V Chương trình kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg, đồng thời để bảo đảm tính thống nhất của dự thảo văn bản, đề nghị xem xét bỏ nội dung "(?): Nếu có doanh nghiệp và trong quy hoạch vùng nguyên liệu nông sản để thu mua, thì doanh nghiệp đóng góp từ 15% trở lên."</p> <p>Đề nghị thuyết minh rõ việc không xây dựng nội dung về mức hỗ trợ đối với các nội dung, công việc: Phát triển mạng lưới y tế cơ sở; thực hiện thông báo và gắn biển địa chỉ số cho từng hộ gia đình và các cơ quan, tổ chức trên địa bàn nông thôn gắn với bản đồ số Việt Nam; phát triển kinh tế nông thôn, phát triển sản xuất liên kết chuỗi, truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh, chứng nhận VietGap (hoặc chứng chỉ tương đương), gắn mã vùng trồng; đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ hợp tác xã; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã khởi nghiệp, sáng tạo trong cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn; tổ chức triển khai Chương trình OCOP và hỗ trợ các chủ thể phát triển sản phẩm OCOP; hỗ trợ đầu tư sửa chữa, cải tạo, mở rộng nhà xưởng, phòng học, mua sắm thiết bị đào tạo, phương tiện vận chuyển đào tạo lưu động và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo cho các cơ sở giáo dục chuyên nghiệp thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn; đảm bảo tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân, thúc đẩy bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; cải thiện tình trạng dinh dưỡng cho trẻ em và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho người dân nông thôn; các mô hình an ninh trật tự, hỗ trợ camera an ninh ở xã, thôn; nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới đã đạt chuẩn.</p> <p>Một số góp ý về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo</p>	<p>Tiếp thu</p> <p>Tiếp thu</p> <p>Tiếp thu</p>	<p>Đã chỉnh sửa</p> <p>Hiện nay, Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn thực hiện các nội dung nêu trên, vì vậy cơ quan soạn thảo bổ sung thêm vào Điều khoản thi hành của Nghị quyết như sau: "Đối với việc hỗ trợ các nội dung, công việc khác sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp được quy định tại điểm b khoản 1 Mục V Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 không quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này, Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai hỗ trợ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương (kinh phí sự nghiệp) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng</p> <p>Đã chỉnh sửa theo tất cả các góp ý của STP</p>
2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	<p>Tại Điều 3. Cơ chế hỗ trợ: + Tại điểm b khoản 1 phần V Quyết định số 263/QĐ-TTg quy định hỗ trợ 100% từ ngân sách nhà nước để thực hiện rà soát, điều chỉnh lập mới quy hoạch cấp xã, vùng huyện. Tuy nhiên, trong các nội dung hỗ trợ của dự thảo chưa có, đề nghị bổ sung thêm. + Nội dung hỗ trợ cho cấp xã "hỗ trợ đầu tư sửa chữa, cải tạo, mở rộng cơ sở vật chất, nhà xưởng, phòng học, mua sắm thiết bị đào tạo, phương tiện vận chuyển đào tạo lưu động và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo cho các cơ sở giáo dục chuyên nghiệp thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn" là chưa hợp lý. Hiện nay, các cơ sở giáo dục chuyên nghiệp (cơ sở giáo dục nghề nghiệp) thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn không thuộc quản lý của UBND xã.</p> <p>Tại điểm a, khoản 7, điều 3 mục 1, chương II của Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 quy định "Nguồn vốn ngân sách Trung ương năm 2021 (chuyển sang thực hiện năm 2022) được tiếp tục thực hiện theo cơ chế hỗ trợ như giai đoạn 2016-2020". Đề nghị đơn vị soạn thảo bổ sung quy định nội dung này cho các địa phương thực hiện.</p> <p>Tại điểm b khoản 1 phần V Quyết định số 263/QĐ-TTg quy định các nội dung được hỗ trợ 100% từ ngân sách nhà nước để thực hiện không bao gồm "trường học, trạm y tế". Hai nội dung hỗ trợ này thuộc nhóm được hỗ trợ một phần từ ngân sách nhà nước để thực hiện. Tuy nhiên, trong dự thảo quy định "trường học, trạm y tế" được hỗ trợ 100% ngân sách nhà nước để thực hiện. Đề nghị đơn vị soạn thảo giải trình cơ sở để xuất nội dung này.</p>	<p>Tiếp thu</p> <p>Tiếp thu</p> <p>Giải trình</p> <p>Tiếp thu</p>	<p>Đã chỉnh sửa</p> <p>Quyết định 07/2022/QĐ-TTg chỉ vận dụng cơ chế phân bổ vốn (hệ số, tiêu chí phân bổ) của giai đoạn 2016-2020.</p> <p>Các dự công trình, dự án đầu tư liên quan đến lĩnh vực an sinh xã hội (Giáo dục, Y tế), ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí để đầu tư là phù hợp.</p>

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu/giữ nguyên như dự thảo	Báo cáo giải trình
		Đối với các công trình cấp huyện phần ngân sách nhà nước hỗ trợ đều có quy định ngân sách Trung ương 70%. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm a, khoản 2 điều 5, mục 1, chương II của Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025: Trung ương chỉ hỗ trợ kinh phí cho mỗi tỉnh không quá 02 huyện, đối với các huyện còn lại thì bố trí ngân sách địa phương. Trong giai đoạn 2021-2025 tỉnh Gia Lai có 7 huyện phấn đấu đạt chuẩn huyện nông thôn mới, trong đó chỉ có 2 huyện được hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, còn lại 5 huyện sử dụng ngân sách địa phương, không thể áp dụng theo quy định mức hỗ trợ theo biểu này. Đề nghị đơn vị soạn thảo bổ sung thêm quy định cho phù hợp.	Tiếp thu	Đã chỉnh sửa
3	UBND huyện Phú Thiện	Đề nghị bổ sung đối tượng được hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước quy định tại Điều 4 của dự thảo Nghị quyết đối với các thôn thuộc xã khu vực III nhưng không phải thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 được phê duyệt tại Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 để có cơ sở hỗ trợ đầu tư đối với các thôn này. Đề nghị bổ sung quy định rõ về đối tượng được hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước quy định tại Điều 4 của dự thảo Nghị quyết đối với các thôn thuộc xã khu vực I, II nhưng là thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 được phê duyệt tại Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 để có cơ sở xác định hỗ trợ đầu tư hoặc không hỗ trợ đầu tư đối với các thôn này	Giải trình	điểm b khoản 2 Điều 5 Quyết định 07/2022/QĐ-TTg quy định: các địa phương chủ động bố trí vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các xã, huyện; ngân sách tỉnh hỗ trợ cho các huyện; vốn ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp để thực hiện theo quy định.
4	UBND huyện Kông Chro	Bổ sung tại khoản 1 Điều 4 như sau: “d) Đối tượng 4: Các xã thuộc danh sách huyện nghèo đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 về việc phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025	Giữ nguyên	Các xã thuộc danh sách huyện nghèo đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 353/QĐ-TTg thuộc đối tượng được hỗ trợ từ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Tại Khoản 2 Điều 6 Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg, Thủ tướng giao tỉnh phân bổ kế hoạch vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới “đảm bảo không chồng chéo, trùng lặp địa bàn, phạm vi, đối tượng đầu tư với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững”.
5	UBND thị xã Ayun Pa	Đối với các xã: Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 96% tổng dự toán công trình, dự án được đầu tư đối với các xã đối tượng 1; hỗ trợ tối đa 94% tổng dự toán công trình, dự án được đầu tư đối với các xã đối tượng 2 và hỗ trợ tối đa 92% tổng dự toán công trình, dự án được đầu tư đối với các xã đối tượng 3. Riêng trường học và trạm y tế xã được hỗ trợ 100%. Đối với cấp huyện: Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 96% tổng dự toán công trình, dự án được đầu tư đối với các huyện đối tượng 1 (NSTW 70%, NSĐP 26%); hỗ trợ tối đa 94% tổng dự toán công trình, dự án được đầu tư đối với các xã đối tượng 2 (NSTW 70%, NSĐP 24%) và hỗ trợ tối đa 92% tổng dự toán công trình, dự án được đầu tư đối với các xã đối tượng 3 (NSTW 70%, NSĐP 22%) Riêng công trình, dự án phát triển y tế được hỗ trợ 100% (NSTW 70%, NSĐP 30%)	Giữ nguyên	Dự thảo Nghị quyết quy định ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 96% tổng dự toán công trình, dự án được đầu tư đối với các xã, huyện đối tượng 1 (bảng đề xuất của thị xã); 93% đối với các xã đối tượng 2 (ít hơn 1%) và 90% đối với các xã đối tượng 3 (ít hơn 2%). Mức hỗ trợ trên được hầu hết các sở, ngành và địa phương thống nhất, vì vậy ý kiến của UBND thị xã Ayun Pa chưa phù hợp với ý kiến tổng quan của đa số các sở, ngành, địa phương.
6	Sở Giáo dục và Đào tạo	Thống nhất		
7	Sở Giao thông Vận tải	Thống nhất		
8	Sở Khoa học và Công nghệ	Thống nhất		
9	Sở Lao động TB&XH	Thống nhất		
10	Sở Ngoại vụ	Thống nhất		
11	Sở Nội vụ	Thống nhất		

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu/giữ nguyên như dự thảo	Báo cáo giải trình
12	Sở Tài chính	Thống nhất		
13	Sở Tài nguyên và Môi trường	Thống nhất		
14	Sở Thông tin và Truyền thông	Thống nhất		
15	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	Thống nhất		
16	Sở Xây dựng	Thống nhất		
17	Sở Tài nguyên và Môi trường	Thống nhất		
18	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh	Thống nhất		
19	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	Thống nhất		
20	Ban Dân tộc	Thống nhất		
21	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	Thống nhất		
22	Công an tỉnh	Thống nhất		
23	Cục Thuế tỉnh	Thống nhất		
24	Cục Thống kê	Thống nhất		
25	Hội Nông dân tỉnh	Thống nhất		
26	Liên minh hợp tác xã tỉnh	Thống nhất		
27	Cục Thống kê	Thống nhất		
28	UBND thị xã An Khê	Thống nhất		
29	UBND huyện Chư Prông	Thống nhất		
30	UBND huyện Chư Pưh	Thống nhất		
31	UBND huyện Chư Sê	Thống nhất		
32	UBND huyện Đak Đoa	Thống nhất		
33	UBND huyện Đak Pơ	Thống nhất		
34	UBND huyện Kbang	Thống nhất		
35	UBND huyện Krông Pa	Thống nhất		
36	UBND huyện Ia Grai	Thống nhất		
II	Các Sở, ngành, địa phương chưa gửi văn bản góp ý			
1	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh			

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu/giữ nguyên như dự thảo	Báo cáo giải trình
2	Văn phòng UBND tỉnh			
3	Thanh tra tỉnh			
4	Sở Y tế			
5	Sở Công Thương			
6	UBND thành phố Pleiku			
7	UBND huyện Chư Păh			
8	UBND huyện Đức Cơ			
9	UBND huyện Ia Pa			
10	UBND huyện Mang Yang			
B	Lấy ý kiến sau Hội thảo tại văn bản số 1714/SKHĐT-QLN ngày 06/6/2022			
I	Các Sở, ngành, địa phương đã gửi văn bản góp ý			
1	Sở Tư pháp	Căn cứ khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; để khắc phục những khó khăn, lúng túng trong việc áp dụng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh có nội dung liên quan đến giai đoạn thực hiện trong thời gian qua đồng thời để không gặp khó khăn, vướng mắc trong việc áp dụng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh sau thời điểm kết thúc thời gian thực hiện Chương trình kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg, đề nghị bổ sung nội dung quy định cụ thể ngày, tháng, năm hết hiệu lực toàn bộ của nghị quyết; bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 4 Mục II Chương trình kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg	Tiếp thu	Đã bổ sung hiệu lực Nghị quyết
		Căn cứ điểm b khoản 1 Mục V Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây viết là Chương trình kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg), Hội đồng nhân dân tỉnh được giao thẩm quyền quyết định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho từng nội dung, công việc cụ thể thuộc Chương trình kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg; không được giao thẩm quyền quy định đối tượng được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.C60	Giải trình	Đối tượng được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (được xây dựng dựa trên địa bàn được hỗ trợ) là cơ sở không thể thiếu để xác định mức hỗ trợ cho từng nội dung, công việc cụ thể.
		Tại Điều 4 - Ở tên điều, căn cứ điểm b khoản 1 Mục V Chương trình kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg đồng thời để bảo đảm thống nhất sử dụng từ ngữ, đề nghị sửa như sau: “Điều 4. Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình”. Tương tự, đề nghị chỉnh sửa nội dung: “Mức hỗ trợ để thực hiện Chương trình” ở khoản 2. - Đề nghị thuyết minh, làm rõ lý do xây dựng mức hỗ trợ tối đa (không xây dựng mức hỗ trợ cụ thể) tại dự thảo văn bản trong hồ sơ dự thảo văn bản trình Hội đồng nhân dân tỉnh.	Tiếp thu	Đã chỉnh sửa. Quy định mức tối đa, để tạo sự linh hoạt trong cơ chế huy động vốn. Đối với trường hợp người dân, doanh nghiệp tự nguyện đóng góp nhiều, thì NSNN có thể hỗ trợ ít đi so với mức quy định tại NQ.

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu/giữ nguyên như dự thảo	Báo cáo giải trình
		<p>Tại Điều 5</p> <p>- Ở điểm b khoản 2, nhằm tránh dàn trải nội dung, đề nghị chuyển sang Điều 4 dự thảo văn bản đồng thời sửa như sau: “Đối với việc hỗ trợ các nội dung, công việc khác sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp được quy định tại điểm b khoản 1 Mục V Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 không quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này, Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai hỗ trợ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương (kinh phí sự nghiệp) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg.</p> <p>Một số góp ý về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo</p>	Tiếp thu	Đã chỉnh sửa
2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Tổng nhất	Tiếp thu	Đã chỉnh sửa tất cả các góp về thể thức văn bản của STP
3	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	Tổng nhất		
4	Công an tỉnh	Tổng nhất		
5	Cục Thuế tỉnh	Tổng nhất		

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Số: 1405/SKHĐT-KTN

V/v lấy ý kiến dự thảo Nghị quyết về việc quy định mức hỗ trợ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 10 tháng 5 năm 2022

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành;
- Các thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện văn bản số 571/UBND-NL ngày 25/3/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ;

Để có cơ sở đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về việc quy định mức hỗ trợ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, Sở Kế hoạch và Đầu tư dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh và dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh kèm theo văn bản này. Đề nghị các cơ quan, đơn vị phối hợp xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh với nội dung cụ thể như sau:

1. Căn cứ Khoản 1 Điều 120 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đề nghị Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đăng tải toàn văn dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Gia Lai để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến góp ý.

- Địa chỉ tiếp nhận ý kiến góp ý: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai, số 02 Hoàng Hoa Thám, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- Thời hạn đăng tải: Ít nhất 30 ngày: từ ngày 10/5/2022 đến ngày 10/6/2022.

2. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 120 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; khoản 3 Điều 25 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh, các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tham gia ý kiến góp ý đối với Dự thảo Tờ trình và Dự thảo Nghị quyết và gửi văn bản góp ý về Sở Kế hoạch và Đầu tư chậm nhất trong ngày 10/6/2022¹ để Sở Kế hoạch và Đầu tư hoàn thiện, lấy ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp trước khi trình UBND tỉnh, HĐND tỉnh theo đúng quy định.

Sở Kế hoạch và Đầu tư rất mong nhận được sự phối hợp của các Sở, ban, ngành, các thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025 và UBND các huyện, thị xã, thành phố để hoàn thành nhiệm vụ chung.../.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lưu VT-QLN.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Quế

¹ Điều 120. Lấy ý kiến đối với dự thảo nghị quyết

2. Cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan. Trong trường hợp lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của nghị quyết thì cơ quan lấy ý kiến có trách nhiệm xác định những vấn đề cần lấy ý kiến và bảo đảm ít nhất là 30 ngày kể từ ngày tổ chức lấy ý kiến để các đối tượng được lấy ý kiến góp ý vào dự thảo văn bản.

3. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo văn bản.

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 967/STP-NV1

Gia Lai, ngày 14 tháng 6 năm 2022

V/v thẩm định dự thảo Nghị quyết
quy định mức hỗ trợ từ ngân sách
nhà nước thực hiện Chương trình
mục tiêu quốc gia xây dựng nông
thôn mới giai đoạn 2021 - 2025
trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Ngày 13/6/2022, Sở Tư pháp nhận được Văn bản số 1804/SKHĐT-QLN ngày 11/6/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai¹.

Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai (sau đây viết là dự thảo văn bản) và các tài liệu khác kèm theo Văn bản số 1804/SKHĐT-QLN, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Căn cứ điểm b khoản 1 Mục V Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây viết là Chương trình kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg), Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai là cần thiết.

II. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

Thông nhất phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của dự thảo văn bản.

III. SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG DỰ THẢO VĂN BẢN VỚI ĐƯỜNG LỐI, CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC; TÍNH HỢP HIẾN, TÍNH HỢP PHÁP, TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

¹ Sở Kế hoạch và Đầu tư cập nhật hồ sơ dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh lúc **11 giờ ngày 14/6/2022**.

1. Sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước

Nội dung dự thảo văn bản bảo đảm phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước. Tuy nhiên đề nghị nghiên cứu các ý kiến nêu tại khoản 3 Mục này, xây dựng nội dung dự thảo văn bản bảo đảm phù hợp với quy định tại Quyết định số 263/QĐ-TTg.

2. Thẩm quyền ban hành văn bản

Căn cứ Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; khoản 3 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; điểm b khoản 1 Mục V Chương trình kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai là đúng thẩm quyền.

3. Nội dung dự thảo văn bản

a) Tại Điều 3

Căn cứ điểm b khoản 1 Mục V Chương trình kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg, đồng thời để bảo đảm thống nhất với phạm vi điều chỉnh của dự thảo văn bản, đề nghị chuyển nội dung ở Điều 3 sang dự thảo phụ lục hoặc trình bày ở điều, khoản khác trong dự thảo văn bản cho phù hợp, bảo đảm thể hiện Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định mức hỗ trợ tương ứng với đối tượng được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg (đối tượng được hỗ trợ xác định theo Chương trình kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg, Hội đồng nhân dân tỉnh không quy định về đối tượng được hỗ trợ).

Theo đó, đề nghị chỉnh sửa nội dung “*Các đối tượng 1, 2, 3 được quy định tại Điều 3 Nghị quyết này*” ở dự thảo phụ lục bảo đảm tính chính xác.

b) Tại Điều 4

- Ở khoản 2, đề nghị sửa nội dung “*Phụ lục kèm theo Nghị quyết này*” như sau: “*Phụ lục **ban hành kèm theo** Nghị quyết này*”.

- Ở khoản 3, đề nghị sửa nội dung “*quy định Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này*” như sau: “*quy định **tại** Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này*”.

- Ở khoản 4, nhằm bảo đảm tính thống nhất của dự thảo văn bản, đề nghị sửa nội dung “*Đối với việc hỗ trợ các nội dung, công việc khác sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp được quy định tại điểm b khoản 1 Mục V ...*” như sau: “*Đối với việc hỗ trợ các nội dung, công việc khác sử dụng nguồn **vốn ngân sách trung ương (kinh phí sự nghiệp)** được quy định tại điểm b khoản 1 Mục V ...*”.

c) Tại Điều 5

- Ở khoản 1, đề nghị sửa nội dung “*ngày 13/7/2017*” như sau: “*ngày 13 tháng 7 năm 2017*”.

Số: 967/STP-NV1

Gia Lai, ngày 14 tháng 6 năm 2022

V/v thẩm định dự thảo Nghị quyết
quy định mức hỗ trợ từ ngân sách
nhà nước thực hiện Chương trình
mục tiêu quốc gia xây dựng nông
thôn mới giai đoạn 2021 - 2025
trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Ngày 13/6/2022, Sở Tư pháp nhận được Văn bản số 1804/SKHĐT-QLN ngày 11/6/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai¹.

Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai (sau đây viết là dự thảo văn bản) và các tài liệu khác kèm theo Văn bản số 1804/SKHĐT-QLN, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Căn cứ điểm b khoản 1 Mục V Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây viết là Chương trình kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg), Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai là cần thiết.

II. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

Thông nhất phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của dự thảo văn bản.

III. SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG DỰ THẢO VĂN BẢN VỚI ĐƯỜNG LỐI, CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC; TÍNH HỢP HIẾN, TÍNH HỢP PHÁP, TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

¹ Sở Kế hoạch và Đầu tư cập nhật hồ sơ dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh lúc **11 giờ ngày 14/6/2022**.

1. Sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước

Nội dung dự thảo văn bản bảo đảm phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước. Tuy nhiên đề nghị nghiên cứu các ý kiến nêu tại khoản 3 Mục này, xây dựng nội dung dự thảo văn bản bảo đảm phù hợp với quy định tại Quyết định số 263/QĐ-TTg.

2. Thẩm quyền ban hành văn bản

Căn cứ Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; khoản 3 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; điểm b khoản 1 Mục V Chương trình kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai là đúng thẩm quyền.

3. Nội dung dự thảo văn bản

a) Tại Điều 3

Căn cứ điểm b khoản 1 Mục V Chương trình kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg, đồng thời để bảo đảm thống nhất với phạm vi điều chỉnh của dự thảo văn bản, đề nghị chuyển nội dung ở Điều 3 sang dự thảo phụ lục hoặc trình bày ở điều, khoản khác trong dự thảo văn bản cho phù hợp, bảo đảm thể hiện Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định mức hỗ trợ tương ứng với đối tượng được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg (đối tượng được hỗ trợ xác định theo Chương trình kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg, Hội đồng nhân dân tỉnh không quy định về đối tượng được hỗ trợ).

Theo đó, đề nghị chỉnh sửa nội dung “*Các đối tượng 1, 2, 3 được quy định tại Điều 3 Nghị quyết này*” ở dự thảo phụ lục bảo đảm tính chính xác.

b) Tại Điều 4

- Ở khoản 2, đề nghị sửa nội dung “*Phụ lục kèm theo Nghị quyết này*” như sau: “*Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này*”.

- Ở khoản 3, đề nghị sửa nội dung “*quy định Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này*” như sau: “*quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này*”.

- Ở khoản 4, nhằm bảo đảm tính thống nhất của dự thảo văn bản, đề nghị sửa nội dung “*Đối với việc hỗ trợ các nội dung, công việc khác sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp được quy định tại điểm b khoản 1 Mục V ...*” như sau: “*Đối với việc hỗ trợ các nội dung, công việc khác sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương (kinh phí sự nghiệp) được quy định tại điểm b khoản 1 Mục V ...*”.

c) Tại Điều 5

- Ở khoản 1, đề nghị sửa nội dung “*ngày 13/7/2017*” như sau: “*ngày 13 tháng 7 năm 2017*”.

- Ở khoản 3, căn cứ khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đề nghị sửa như sau:

“3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Khóa XII Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm ...; có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết ngày ... tháng ... năm”

d) Tại dự thảo phụ lục

- Đề nghị sửa nội dung “*Ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã)*” như sau: “*Ngân sách địa phương (Ngân sách cấp tỉnh, Ngân sách cấp huyện, Ngân sách cấp xã)*” nhằm bảo đảm chính xác, thống nhất từ ngữ với quy định tại Luật Ngân sách nhà nước.

- Đối với nội dung, công việc ở thứ tự III, đề nghị trình bày nội dung, công việc được hỗ trợ bảo đảm rõ ràng, chính xác, thống nhất với quy định tại điểm b khoản 1 Mục V Chương trình kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg, như:

+ Sửa “*Giao thông*” như sau: “**Xây dựng và nâng cấp đường** *giao thông*”.

+ Sửa “*Đường đến trung tâm xã*” như sau: “**Đường giao thông** *đến trung tâm xã*”.

+ Bỏ “*Rà soát, điều chỉnh, lập mới quy hoạch cấp xã và quy hoạch vùng huyện*”, vì tại điểm b khoản 1 Mục V Chương trình kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg đã quy định hỗ trợ 100% từ ngân sách nhà nước để thực hiện rà soát, điều chỉnh lập mới quy hoạch cấp xã và vùng huyện; ...

Tương tự, đề nghị chỉnh sửa các nội dung khác bảo đảm nội dung được chính xác, rõ ràng.

IV. NGÔN NGỮ, KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN

Đề nghị đối chiếu dự thảo văn bản với mẫu số 16, mẫu số 44 phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; các quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP; chỉnh sửa một số lỗi về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản, như:

1. Trình bày Quốc hiệu và Tiêu ngữ như sau: Quốc hiệu là: “CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM” được trình bày bằng cỡ chữ từ 12 đến 13; Tiêu ngữ là: “Độc lập - Tự do - Hạnh phúc” được trình bày bằng cỡ chữ từ 13 đến 14.

2. Trình bày địa danh và ngày, tháng, năm được đặt dưới ở giữa, cân đối so với Quốc hiệu và Tiêu ngữ.

3. Đánh số thứ tự của dự thảo văn bản đúng quy định tại Điều 39 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

V. VẤN ĐỀ KHÁC

1. Đề nghị thuyết minh, làm rõ sự cần thiết, lý do xây dựng mức hỗ trợ tối đa (không xây dựng mức hỗ trợ cụ thể) tại dự thảo văn bản; sự cần thiết, lý do ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% mà không phải hỗ trợ 1 phần từ ngân sách nhà nước để thực hiện một số các nội dung, công việc (như: Công trình, dự án phát triển y tế; trường học; trạm y tế xã; ...) tại Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Báo cáo đánh giá tác động của chính sách.

2. Đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư lưu ý:

a) Báo cáo, thông tin đầy đủ, cụ thể về nội dung được đề nghị tại Điều 2 Nghị quyết số 116/NQ-HĐND ngày 01/6/2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai trong hồ sơ dự thảo văn bản trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Tại dự thảo Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến về đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai **chưa cung cấp đầy đủ** thông tin về việc tham gia ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị theo đề nghị góp ý tại Văn bản số 1405/SKHĐT-KTN ngày 10/5/2022 và Văn bản số 1714/SKHĐT-QLN ngày 06/6/2022 (như: Tổng hợp ý kiến góp ý theo đề nghị tại Văn bản số 1405/SKHĐT-KTN ngày 10/5/2022 **thiếu thông tin của** Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện (thành phố Pleiku, Chư Păh, Đức Cơ, Ia Pa, Mang Yang); tổng hợp ý kiến góp ý theo đề nghị tại Văn bản số 1714/SKHĐT-QLN ngày 06/6/2022 **thiếu thông tin của** Sở Xây dựng, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính, Sở Ngoại vụ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giao thông vận tải, Sở Công thương, Sở Nội vụ, Sở Y tế, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giáo dục và Đào tạo, Thanh tra tỉnh, Ban Dân tộc, Hội Nông dân tỉnh, Cục Thống kê tỉnh, 17 Ủy ban nhân dân cấp huyện; ...).

Đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra việc gửi hồ sơ lấy ý kiến góp ý đến các cơ quan, đơn vị; cung cấp đầy đủ thông tin về việc tham gia ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị trong hồ sơ dự thảo văn bản trình Hội đồng nhân dân tỉnh. Trường hợp, các cơ quan, đơn vị nhận được hồ sơ lấy ý kiến góp ý nhưng không tham gia góp ý, đề nghị cung cấp thông tin, nêu cụ thể các cơ quan, đơn vị không tham gia góp ý.

c) Đề nghị cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin tại hồ sơ dự thảo văn bản trình Hội đồng nhân dân tỉnh như: Bổ sung thông tin về việc lấy ý kiến góp ý tại Văn bản số 1714/SKHĐT-QLN ngày 06/6/2022 ở dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; ...

Trên đây là ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo văn bản. Đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu các ý kiến tại Văn bản này; chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo văn bản; giải trình việc tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Dự thảo văn bản đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, NV1.

GIÁM ĐỐC



Lê Thị Ngọc Lam